

Chính sách chuyển đổi kinh tế số của EU và những gợi ý cho Việt Nam

NGUYỄN QUANG TRUNG

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
Nhận bài: 25/05/2022 - Duyệt đăng: 15/06/2022
Liên hệ: trungnq@uef.edu.vn - Tel: 0945238637

Tóm tắt:

Với vị thế dẫn đầu thế giới về chuyển đổi kinh tế số (CĐ.KTS), khung chính sách CĐ.KTS của Liên minh Châu Âu (EU) có giá trị tham khảo lớn đối với quá trình hoạch định chính sách ở các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam (VN). Sử dụng nghiên cứu định tính thông qua nguồn dữ liệu thứ cấp theo góc nhìn công cụ chính sách, báo cáo này đặt mục tiêu khái quát hóa bối cảnh và hệ thống chính sách CĐ.KTS của EU, từ đó nhìn nhận những gợi ý cho VN trong tiến trình hoàn thiện chính sách CĐ.KTS hiện nay.

Từ khóa: Chính sách, chuyển đổi, kinh tế số EU.

Abstract:

The European Union (EU) is a pioneer in digital economic transformation in the world, EU's digital economic transformation policy framework is of great reference value for policy making in developing countries, including Vietnam. Using qualitative research through secondary data sources from the perspective of policy instruments, this report aims to generalize the context and policy system of the EU's digital economy transformation, thereby recognizing suggestions for Vietnam in the process of perfecting the current digital economic transformation policy.

Keywords: EU digital economy, policy, transformation.

1. Giới thiệu

Công nghệ kỹ thuật số và Internet đang dẫn đến sự biến đổi sâu sắc và toàn diện đời sống của nhân loại với hàng loạt các phát kiến công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT), công nghệ truyền thông kỹ thuật số, truyền thông xã hội tương tác, thương mại điện tử, các doanh nghiệp (DN) kỹ thuật số và nền kinh tế số (Brennen & Kreiss, 2014; Vial, 2019). Thực tiễn cho thấy tiến trình số hóa nền kinh tế đã và đang tạo ra lượng dữ liệu khổng lồ đủ để tạo ra một sự chuyển đổi cơ bản giống như sự chuyển đổi do cuộc cách mạng

công nghiệp trước đây từng mang lại. Với nhận thức phải dẫn đầu trong sự phát triển thông qua bước đi song hành giữa chuyển đổi xanh bền vững và một thế giới kỹ thuật số mới, EU được nhìn nhận như người tiên phong của thế giới về quyết tâm CĐ.KTS thông qua hàng loạt chính sách nhằm tăng cường năng lực của Châu Âu trong các công nghệ kỹ thuật số mới, mở ra cơ hội mới cho các DN và người tiêu dùng, hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh của EU cũng như hỗ trợ kỹ năng kỹ thuật số của người dân, đào tạo cho người lao động, giúp số hóa các dịch vụ công, đồng thời

đảm bảo tôn trọng các quyền và giá trị cơ bản (EP, 2021), những chính sách CĐ.KTS của EU là nguồn tham khảo hữu ích với VN trong bối cảnh chuyển đổi số đang cấp thiết của nước ta trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Chính sách (Policy) là một hệ thống các hướng dẫn có chủ ý nhằm hướng dẫn các quyết định và đạt được các kết quả hợp lý (Cummins, 2011). Chính sách thường là những tuyên bố về ý định, thường được thông qua bởi cơ quan quản trị trong

một tổ chức hoặc cơ quan quyền lực nhà nước của một quốc gia (Paquette, 2002). Các chính sách thường được ban hành thông qua các văn bản chính thức, các văn bản chính sách thường đi kèm với sự chứng thực hoặc chữ ký của các cơ quan hành pháp để hợp pháp hóa chính sách và xác nhận hiệu lực thi hành của chính sách (Paquette, 2002; Cummins, 2011).

Số hóa (Digitization) còn được hiểu là số hóa thông tin, chỉ quá trình chuyển đổi thông tin sang định dạng kỹ thuật số (tức là máy tính có thể đọc được), số hóa cũng có thể hiểu là việc chuyển đổi tài liệu nguồn tương tự sang định dạng số, hệ thập phân hoặc bất kỳ hệ thống số nào khác có thể được sử dụng thay thế như chuyển đổi các tệp và tài liệu cứng/giấy thành các tệp và tài liệu kỹ thuật số. Số hóa (Digitalization) là việc sử dụng các công nghệ kỹ thuật số để thay đổi mô hình kinh doanh, chuyển từ kinh doanh truyền thống sang kinh doanh kỹ thuật số dựa trên các ứng dụng, phương tiện kỹ thuật số, theo Brennen & Kreiss (2014) thì số hóa còn được hiểu là quá trình phổ biến rộng khắp các công nghệ số, dịch vụ, sản phẩm, kỹ thuật và kỹ năng số trong nền kinh tế.

Chuyển đổi số (Digital Transformation) là sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào các hoạt động của DN, tận dụng các công nghệ để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và cung cấp các giá trị mới cho khách hàng (Brennen & Kreiss, 2014), một định nghĩa khác, Vial (2019) cho rằng chuyển đổi số là quá trình

tạo ra những thay đổi đáng kể các thuộc tính vốn có thông qua sự kết hợp của CNTT&TT, máy tính, truyền thông và kết nối. Ở VN, khái niệm “Chuyển đổi số” thường được hiểu theo nghĩa là quá trình thay đổi từ mô hình tổ chức truyền thống sang tổ chức số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn, Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)...nhằm thay đổi phương thức điều hành, quy trình làm việc hướng đến mục tiêu hiệu quả hơn.

Kinh tế số (Digital economy) theo Nhóm cộng tác kinh tế số Oxford là một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua Internet. Ở VN, Diễn đàn Kinh tế tư nhân VN năm 2019 nhìn nhận kinh tế số được hiểu là toàn bộ hoạt động kinh tế dựa trên nền tảng số, và phát triển kinh tế số là sử dụng công nghệ số và dữ liệu để tạo ra những mô hình kinh doanh mới. Có thể thấy rằng kinh tế số là một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua Internet bao gồm tất cả các lĩnh vực và nền kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; sản xuất, phân phối, lưu thông hàng hóa, giao thông vận tải, logistic, tài chính ngân hàng...) mà công nghệ số được áp dụng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Mục tiêu chính của báo cáo này là khái quát hóa hệ thống chính sách CĐ.KTS của EU, từ đó nhìn nhận những gợi ý cho VN, để thực hiện mục tiêu này tác giả nghiên cứu định tính với dữ liệu thứ cấp (secondary data)

là các ấn phẩm chính thống của EU có liên quan đến chính sách CĐ.KTS, cùng với đó là các xuất bản phẩm uy tín phục vụ tổng quan cơ sở lý thuyết, các dữ liệu được thu thập và xử lý theo góc nhìn công cụ chính sách (policy instruments) rằng chính sách là công cụ được chủ thể ban hành sử dụng để giải quyết các vấn đề và đạt được kết quả kỳ vọng (Cummins, 2011).

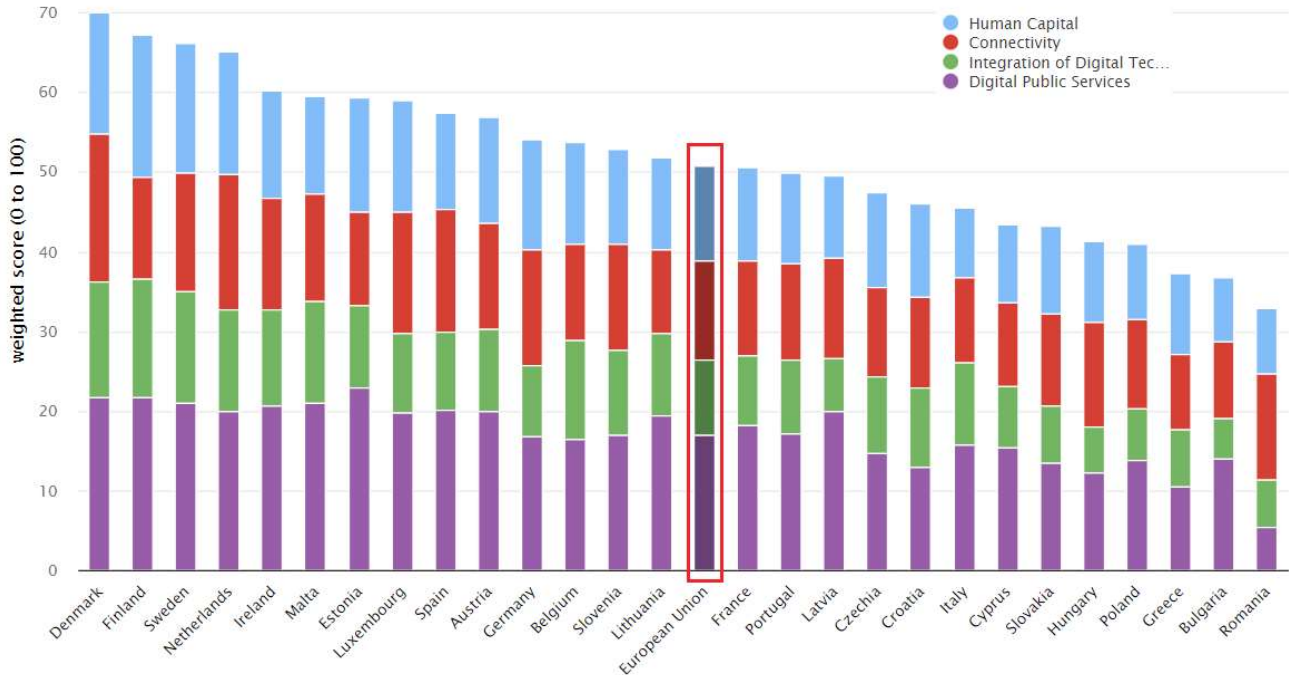
3. Chính sách chuyển đổi kinh tế số của EU

3.1. Bối cảnh hình thành các chính sách chuyển đổi kinh tế số của EU

Hai thập niên đầu thế kỷ 21 (2000-2020), kinh tế vĩ mô EU chứng kiến nhiều biến động, tăng trưởng hàng năm từ 1% đến 4% (từ 2001 đến 2007), sau đó bất ổn liên tục (từ 2008 đến 2013) có lúc GDP giảm hơn 4% (2009) do ảnh hưởng mạnh mẽ bởi cuộc khủng hoảng tài chính (đặc biệt ở Hy Lạp, Croatia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Síp có tăng trưởng âm liên tiếp nhiều năm liền), dần phục hồi với tốc độ tăng trưởng hàng năm khoảng 2% (từ 2014 đến 2019), và suy giảm sâu từ năm 2020 (mức giảm trên 6%) do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (Tây Ban Nha, Ý, Hy Lạp, Pháp và Croatia đều có tốc độ tăng trưởng GDP âm từ 8% trở lên), năm nền kinh tế là Đức, Anh, Pháp, Italy và Tây Ban Nha thuộc nhóm những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi Covid-19.

Chỉ số phát triển con người (Human Development Index - HDI) thể hiện thành tựu nổi trội của EU trong phát triển (2015) như Na Uy đứng đầu thế giới, Thụy Sĩ thứ 2, Đan Mạch thứ 3, Hà Lan thứ 4, Đức thứ 5, Thụy

Hình 1. Các quốc gia EU theo DESI năm 2021



Nguồn: European Commission (2021)

Điển và Anh đồng hạng 14, Pháp thứ 22...; Báo cáo cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế thế giới (2018) cũng ghi nhận thứ hạng rất cao của các nước EU trên thế giới như Đức thứ 3, Thụy Sĩ thứ 4, Hà Lan thứ 5, Anh thứ 6, Thụy Điển thứ 7, Đan Mạch thứ 8, Phần Lan thứ 9, Na Uy thứ 16, Pháp thứ 17, Tây Ban Nha thứ 26, Séc thứ 29...; Chỉ số phát triển chính phủ điện tử (2020) của Liên hợp quốc cho thấy nhiều quốc gia EU cũng nằm trong top dẫn đầu toàn cầu như Đan Mạch thứ 1, Phần Lan thứ 4, Thụy Điển thứ 6, Anh thứ 7, Hà Lan thứ 10, Na Uy thứ 13, Áo thứ 15, Thụy Sĩ thứ 16, Síp thứ 18, Pháp thứ 19...

Ở EU, chỉ có 0,2% DN lớn nhưng tạo ra 35% việc làm và 47% tổng giá trị gia tăng (2018), EU có 22,7 triệu DN, trong đó chỉ 0,9% là DN vừa (50-249 lao động) và 0,2% là DN lớn (250 lao động trở lên), tỷ lệ người làm việc trong các DN nhỏ lớn nhất ở Hy Lạp (70%) và Bồ Đào Nha

(60%), với các DN quy mô vừa ở Luxembourg (25%), Estonia và Malta (cả 23%), với các DN lớn tỷ trọng cao nhất là ở Pháp (47%) và Thụy Điển (44%), tỷ trọng giá trị gia tăng lớn nhất do các DN nhỏ tạo ra ở Malta (56%) và Bồ Đào Nha (46%), trong khi các DN vừa ở Latvia và Estonia (26%) và Lithuania (25%), tỷ lệ cao nhất đối với các DN lớn thuộc về Ireland (63%), Pháp (56%) và Đức (53%).

Về công nghệ, từ năm 2007 EU đã chuyển hướng ưu tiên phát triển tri thức, khoa học, công nghệ với định hướng chiến lược trở thành một nền kinh tế tri thức có sức cạnh tranh và năng động nhất thế giới. Thực tiễn nghiên cứu và phát triển (R&D) của các quốc gia EU không đồng đều, các quốc gia Bắc Âu (Đan Mạch, Thụy Điển, Phần Lan, Iceland...) đứng đầu Châu Âu về cải tiến và sáng tạo công nghệ, sau đó đến Thụy Sĩ, Đức, Anh, Pháp, vị trí tiếp sau là Síp, Séc, Estonia,

Tây Ban Nha, Na Uy, Slovakia và Italia, các thành viên mới của EU như Slovenia, Estonia, cuối cùng thuộc về nhóm nước đang có khoản cách lớn gồm Bulgaria, Croatia, Hy Lạp, Hungari, Latvia, Litva, Manta, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Rumani và Slovakia. Theo Johnson (2022), tính đến tháng 4/2022 thì Bắc Âu được xếp hạng đầu tiên khi nói đến các khu vực có tỷ lệ sử dụng Internet cao nhất thế giới với 98% dân số có truy cập Internet, theo sau là Tây Âu với 94% trong khi tỷ lệ thâm nhập Internet trung bình toàn cầu là khoảng 63%. Chỉ số kinh tế và xã hội số (Digital economy and society index – DESI) của EU phân chia các quốc gia thành hai nhóm, nhóm 1 gồm các nước có DESI cao hơn mức trung bình của EU và nhóm 2 là các nước có DESI thấp hơn (hình 1), DESI có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hình thành chính sách chuyển đổi số nói chung và CĐ.KTS nói riêng của EU.

Bối cảnh kinh tế vĩ mô, phát triển tri thức, khoa học, công nghệ, các chỉ số hạ tầng công nghệ, Internet và viễn thông, các chỉ số phát triển khác trên nền tảng sự giàu có về của cải và trình độ phát triển vượt bậc về khoa học công nghệ, nhất là khoa học CNTT&TT, viễn thông, đồng thời đứng trước những thách thức không nhỏ về biến đổi khí hậu, đại dịch COVID, chăm sóc sức khỏe, tình hình kinh tế và bất bình đẳng xã hội, an ninh năng lượng... đòi hỏi EU cần nhiều chính sách trong nỗ lực chuẩn bị cho các xã hội Châu Âu với tương lai kỹ thuật số.

3.2. Những chính sách then chốt của EU trong chuyển đổi kinh tế số

Trong khuôn khổ Chương trình nghị sự Lisbon (2000), Hội đồng Châu Âu đã đặt ra mục tiêu đưa EU trở thành nền kinh tế dựa trên tri thức năng động và cạnh tranh nhất trên thế giới vào năm 2010, ngay sau đó Ủy ban Châu Âu đưa ra ba chiến lược liên tiếp (kế hoạch eEurope 2002, eEurope 2005 và chiến lược i2010) để cải thiện việc triển khai cơ sở hạ tầng và dịch vụ internet như về chính phủ điện tử và kinh doanh điện tử, tăng chi tiêu cho nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực CNTT&TT và truyền thông. Với cách tiếp cận trao quyền và tác động sâu rộng, chiến lược số của EU gồm bốn khía cạnh là công nghệ phù hợp với mọi người, một nền kinh tế số công bằng và cạnh tranh, một xã hội số mở, dân chủ và bền vững và EU dẫn đầu toàn cầu về kỹ thuật số. Những chính sách then chốt của EU trong CĐ.KTS được thể hiện trên các phương diện pháp lý của EU với

chuyển đổi số và các chính sách số trong các lĩnh vực, cùng với đó là các chính sách thúc đẩy chuyển đổi số riêng phù hợp cho các quốc gia thành viên EU.

Về khung pháp lý của EU cho chuyển đổi số: Tháng 4/2021, Nghị viện Châu Âu đã thông qua Chương trình Kỹ thuật số Châu Âu (Digital Europe programme 2021–2027) tập trung đặc biệt vào việc đưa công nghệ tới các DN và người dân thông qua đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật số để các công nghệ chiến lược có thể giúp thúc đẩy khả năng cạnh tranh và chuyển đổi xanh của Châu Âu, cũng như đảm bảo chủ quyền về công nghệ EU sẽ đầu tư 7,6 tỷ € vào năm lĩnh vực là siêu máy tính (2,2 tỷ €), trí tuệ nhân tạo (2,1 tỷ €), an ninh mạng (1,6 tỷ €), kỹ năng kỹ thuật số nâng cao (0,6 tỷ €) và đảm bảo sử dụng rộng rãi các công nghệ kỹ thuật số trên kinh tế và xã hội (1,1 tỷ €).

EU đã thiết lập hệ thống các văn bản pháp lý chi tiết về chuyển đổi số với hai nhóm là các chỉ thị (directives) - luật khung của EU, được quốc hội của các quốc gia thành viên thực hiện thành luật quốc gia và các quy định (regulations) là luật của EU được áp dụng ngay lập tức và trực tiếp ở tất cả các quốc gia thành viên. Hệ thống văn bản pháp lý về chuyển đổi kỹ thuật số của EU điều chỉnh các khía cạnh là bảo vệ dữ liệu (data protection), bảo mật CNTT&TT (IT security), bản quyền (copyright), Luật viện trợ nhà nước (state aid law) và Luật trách nhiệm (liability law), cụ thể:

Bảo vệ dữ liệu: gồm các biện pháp kỹ thuật và tổ chức chống

lại việc xử lý và phân phối dữ liệu không đúng quy định đối với dữ liệu cá nhân, dữ liệu giả danh (có thể khôi phục kết nối cá nhân), dữ liệu ẩn danh (không thể khôi phục kết nối cá nhân), dữ liệu phi cá nhân (dữ liệu cho sản phẩm và máy móc) và dữ liệu có sẵn công khai.

Bảo mật CNTT&TT: đây là vấn đề quan trọng trong nền kinh tế số hóa, kho dữ liệu và hệ thống nối mạng phải cung cấp một mức độ bảo mật nhất định khi nói đến tính toàn vẹn (integrity), đáng tin cậy (trustworthiness) và tính sẵn sàng (availability) của hệ thống, Chỉ thị về đảm bảo mức độ bảo mật chung cao của hệ thống mạng và thông tin (NIS directive) đã tạo ra một khuôn khổ pháp lý nhất quán bao gồm một gói các biện pháp toàn diện nhằm tăng cường mức độ bảo mật của hệ thống mạng và thông tin (an ninh mạng) và do đó để đảm bảo các dịch vụ cần thiết cho nền kinh tế và xã hội của EU với các ngành quan trọng như năng lượng (điện, dầu thô, khí đốt tự nhiên), giao thông vận tải (giao thông hàng không, giao thông đường sắt, vận tải biển, giao thông đường bộ), ngân hàng, cơ sở hạ tầng thị trường tài chính, chăm sóc sức khỏe (bao gồm bệnh viện và phòng khám tư nhân), giao và cung cấp nước uống, cơ sở hạ tầng kỹ thuật số (thị trường trực tuyến, công cụ tìm kiếm trực tuyến, dịch vụ điện toán đám mây).

Bản quyền: EU cho rằng tiến bộ số hóa và kết nối mạng giữa các công ty liên tục làm tăng nguy cơ mất các bí mật nên đã có Chỉ thị (EU) 2016/943 ngày 8/6/2016 về việc bảo vệ bí quyết không được tiết lộ và thông tin kinh doanh (bí

mật thương mại) chống lại việc mua lại, sử dụng và tiết lộ bất hợp pháp và Chỉ thị (EU) 2019/790 ngày 17/4/2019 về bản quyền và quyền liên quan trong thị trường chung kỹ thuật số để giải quyết các câu hỏi về bản quyền khi truy cập thông tin được bảo vệ bởi bản quyền thông qua các công cụ tìm kiếm trực tuyến và phương tiện truyền thông xã hội.

Luật viện trợ nhà nước: điều chỉnh các vấn đề liên quan đến việc sử dụng quỹ công để chuyển đổi kỹ thuật số.

Luật trách nhiệm: đối với các Luật trách nhiệm pháp lý hiện hành của EU có liên quan đến kinh tế số vẫn có thể áp dụng nếu các hành động có thể được truy nguyên từ con người và các lỗi sản phẩm có thể được quy vào các khu vực có thể xác định được về hành vi sai trái của con người trong chuỗi sản xuất và phân phối, sự ra đời của luật này mang đến sự hài hòa pháp luật trong các quốc gia thành viên về pháp lý có liên quan.

Hệ thống chính sách số riêng theo lĩnh vực: cùng với khung pháp lý của EU cho chuyển đổi số, EU còn thiết lập một hệ thống chính sách số riêng theo lĩnh vực của kinh tế số như (1) số hóa công nghiệp Châu Âu, (2) số hóa khu vực công, (3) kiểm tra mã viền thông điện tử Châu Âu, (4) quỹ băng thông rộng mới, (5) xóa bỏ phí chuyển vùng, (6) Internet mở, (7) an ninh mạng, (8) tự do dòng dữ liệu phi cá nhân, (9) nội dung trực tuyến xuyên biên giới, (10) bảo vệ dữ liệu trực tuyến cá nhân, (11) ngừng chặn địa lý, (12) tái sử dụng thông tin của khu vực công, (13) hiện đại hóa các quy tắc về bản quyền của EU...

3.3 Chính sách RRF và La bàn thập kỷ kỹ thuật số Châu Âu

Ủy ban Châu Âu đã theo dõi tiến trình kỹ thuật số của các nước thành viên thông qua các báo cáo Chỉ số Kinh tế và Xã hội Kỹ thuật số (The Digital Economy and Society Index - DESI) từ năm định kỳ mỗi năm. DESI được hợp thành từ bốn yếu tố là nguồn lực con người, kết nối, tích hợp công nghệ kỹ thuật số, dịch vụ công số và nghiên cứu và phát triển trong CNTT&TT và truyền thông, DESI hỗ trợ các quốc gia thành viên trong việc xác định các lĩnh vực cần hành động ưu tiên cũng như các chương chuyên đề cung cấp, phân tích cấp độ trên các lĩnh vực kỹ thuật số quan trọng, cần thiết cho các quyết định chính sách nền tảng. DESI (2021) phản ánh hai sáng kiến chính sách chính được đặt ra để có tác động đến quá trình chuyển đổi kỹ thuật số của EU trong những năm tới là Cơ sở phục hồi và hồi phục (Recovery and Resilience Facility - RRF) và La bàn thập kỷ kỹ thuật số (Digital Decade Compass).

RRF là một mắc xích quan trọng trong chuỗi chiến lược ứng phó trên phạm vi rộng của EU, mục đích của RRF là giảm thiểu tác động kinh tế và xã hội của đại dịch Covid-19, đồng thời làm cho các nền kinh tế và xã hội Châu Âu bền vững hơn, có khả năng phục hồi và chuẩn bị tốt hơn cho những thách thức cũng như cơ hội của môi trường xanh và chuyển đổi kỹ thuật số. RRF cho phép Ủy ban Châu Âu gây quỹ để giúp các quốc gia thành viên thực hiện các cải cách và đầu tư phù hợp với các ưu tiên của EU, giải quyết các thách thức

được xác định trong các khuyến nghị dành riêng cho từng quốc gia trong khuôn khổ Điều phối chính sách kinh tế và xã hội của Học kỳ Châu Âu (The European Semester), cung cấp 723,8 tỷ € trong các khoản vay (385,8 tỷ €) và tài trợ (338 tỷ €) cho mục đích của chương trình. RRF giúp EU đạt được mục tiêu trung lập với khí hậu vào năm 2050 và đưa Châu Âu vào con đường chuyển đổi kỹ thuật số, tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng trong quá trình này (Chuyển đổi kép: trung lập khí hậu và chuyển đổi kỹ thuật số). RRF có hiệu lực vào ngày 19/2/2021, tài trợ cho các cải cách và đầu tư vào các quốc gia thành viên từ 2/2020 (khi bắt đầu đại dịch) đến ngày 31/12/2026.

La bàn thập kỷ kỹ thuật số ra đời trong ngữ cảnh các tuyên bố của Ủy ban Châu Âu về sự cấp thiết của chủ quyền kỹ thuật số (digital sovereignty) khi có sự thiếu hụt chip nghiêm trọng trong ngành ô tô vào mùa thu năm 2020, “La bàn kỹ thuật số 2030: cách thức của Châu Âu cho Thập kỷ kỹ thuật số” (2030 Digital Compass: the European way for the Digital Decade) được chính thức đệ trình vào ngày 9/3/2021 để công bố tầm nhìn của Ủy ban Châu Âu về thay đổi kỹ thuật số vào cuối thập kỷ. La bàn được xây dựng dựa trên chiến lược kỹ thuật số của Ủy ban Châu Âu vào tháng 02/2020 với mục tiêu tạo ra một nền kinh tế trung lập với khí hậu, định hướng tái chế và có khả năng phục hồi. Đến năm 2030, các dự án mở rộng sẽ được khởi xướng trong bốn lĩnh vực cốt lõi là công dân có kỹ năng kỹ thuật số (digitally skilled



citizens), số hóa các dịch vụ công (digitisation of public services), chuyển đổi kỹ thuật số của các DN (digital transformation of businesses) và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số an toàn và bền vững (secure and sustainable digital infrastructures).

Công dân có kỹ năng kỹ thuật số: mục tiêu của Ủy ban Châu Âu là đến năm 2030, ít nhất 80% tổng số người trưởng thành sẽ có kỹ năng kỹ thuật số cơ bản và 20 triệu chuyên gia CNTT&TT sẽ được tuyển dụng ở EU với xu hướng cân bằng giới.

Số hóa các dịch vụ công: Công dân EU sẽ có cơ hội giao dịch trực tuyến với tất cả các hoạt động kinh doanh chính thức quan trọng và truy xuất hồ sơ y tế của chính họ bằng phương pháp điện tử, khi đó 80% dân số EU cũng sẽ có thể sử dụng ID kỹ thuật số.

Chuyển đổi kỹ thuật số của các DN: Kế hoạch đến năm 2030, 75% DN EU sẽ sử dụng Đám mây, Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn, ít nhất 90% DN vừa và nhỏ sẽ có mức “cường độ kỹ thuật số” cơ bản.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật số an

toàn và bền vững: Đến năm 2030, tất cả các hộ gia đình ở EU phải có kết nối gigabit và tất cả các khu vực đông dân cư phải được phủ sóng 5G. Tổng cộng 10.000 trung tâm dữ liệu bảo mật cao và trung tính với khí hậu sẽ được sử dụng và Châu Âu sẽ có máy tính lượng tử đầu tiên, 20% chất bán dẫn tiên tiến và bền vững trên thế giới nên được sản xuất ở Châu Âu.

4. Những gợi ý cho Việt Nam

Các chính sách kỹ thuật số được xác định là một phần quan trọng trong các sáng kiến hàng đầu của chiến lược Châu Âu 2020, và Chương trình nghị sự kỹ thuật số cho Châu Âu thành lập vào năm 2010 nhằm thúc đẩy quá trình số hóa của EU mà trong đó kinh tế số là bộ phận cấu thành quan trọng cho mục tiêu trở thành mẫu hình cho nền kinh tế số bằng cách phát triển và thúc đẩy thực thi các tiêu chuẩn kỹ thuật số thông qua hỗ trợ các nền kinh tế đang thực hiện chuyển đổi số và các vấn đề số là yếu tố chính trong chính sách thương mại (Lê Duy Bình & Trần Thị Phương, 2020), các chính sách CĐ.KTS

của EU cung cấp những gợi ý hữu ích cho VN:

Đầu tiên, CĐ.KTS là một xu thế tất yếu của sự phát triển, giá trị cốt lõi là tinh thần kinh doanh kỹ thuật số của quốc gia. Trong các chính sách chuyển đổi số, trọng tâm chính sách thuộc về người dân, người dân chính là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của sự phát triển của tiến trình CĐ.KTS. Nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, người thiết lập khung chủ trương, chính sách thúc đẩy và định hướng CĐ.KTS, tạo lập hành lang pháp lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số. Các chính sách CĐ.KTS cần có cách tiếp cận trao quyền và tác động sâu rộng với các khía cạnh như công nghệ mới phải phù hợp với mọi người, một nền kinh tế số công bằng và cạnh tranh, một xã hội số mở, dân chủ và bền vững. Các ứng dụng số được thiết lập để phục vụ người dân, DN và quản lý điều hành của nhà nước một cách nhất quán, đầy đủ và thân thiện.

Kế đến: CĐ.KTS không phải là chiến lược độc lập của quốc gia, nó là một trong hai trụ cột

song song của một chiến lược tổng thể gồm chuyển đổi xanh bền vững và chuyển đổi kỹ thuật số mới. Chuyển đổi xanh bền vững hướng đến một nền kinh tế trung lập với khí hậu, định hướng tái chế và có khả năng phục hồi, thúc đẩy nền kinh tế thông qua công nghệ xanh, tạo ra ngành công nghiệp và giao thông bền vững, đồng thời cắt giảm ô nhiễm, biến những thách thức về khí hậu và môi trường thành cơ hội sẽ làm cho quá trình chuyển đổi trở nên công bằng và toàn diện cho tất cả mọi người. Các nhà chính sách nên lồng ghép tính bền vững như một yêu cầu chiến lược xuyên suốt để đảm bảo chúng vừa có khả năng phục hồi vừa có khả năng cạnh tranh từ các công cụ và sáng kiến chuyển đổi kỹ thuật số, định vị chúng để tạo ra giá trị lâu dài theo thời gian.

Bên cạnh đó, chính sách CĐ.KTS là rõ ràng với những bước đi linh hoạt trong (1) phát triển hạ tầng và dịch vụ số bao gồm hạ tầng cứng và mạng lưới viễn thông làm nền tảng để tạo ra hạ tầng mềm là dịch vụ số giúp tối ưu các hoạt động của nền kinh tế, (2) phát triển tài nguyên số bao gồm hệ sinh thái dữ liệu và tri thức mở, (3) chính sách CĐ.KTS, xây dựng và công bố quy hoạch ngành về phát triển và ứng dụng CNTT&TT, chuyển đổi số cụ thể cho từng ngành và lĩnh vực quan trọng, xây dựng và hoàn thiện môi trường thể chế, pháp lý đáp ứng yêu cầu trong điều kiện kinh tế số, chuyển đổi số, chính sách đào tạo nhân lực số, chính sách đầu tư kinh doanh số, chính sách an toàn thông tin, đảm bảo chủ quyền số và an toàn,

an ninh mạng, sở hữu trí tuệ.

Cuối cùng, tăng cường hợp tác quốc tế trong CĐ.KTS. Chuyển đổi số nói chung, CĐ.KTS nói riêng không phải là vấn đề biệt lập của một quốc gia hoặc một địa phương nào, đây là một vấn đề toàn cầu nên cần phải có cách tiếp cận toàn cầu và hợp tác quốc tế. Hợp tác quốc tế (hợp tác với các quốc gia có nền kinh tế số dẫn đầu, hợp tác với các tổ chức DN công nghệ lớn trên thế giới, hợp tác với các trường đại học, viện công nghệ hàng đầu trong đào tạo nhân lực số...) là một giải pháp quan trọng để CĐ.KTS thành công thông qua sự tương trợ trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, tiên phong áp dụng công nghệ mới, mô hình mới vào VN.

5. Kết luận

Quá trình chuyển đổi số đã được đề ra từ khá sớm ở EU, cho đến nay đã thu được những thành tựu nổi trội, các nước Châu Âu đang dẫn đầu thế giới ở một số lĩnh vực trong quá trình chuyển đổi số, góp phần gia tăng thịnh vượng và thúc đẩy phát triển của mỗi quốc gia và cả EU đặc biệt trong bối cảnh phục hồi kinh tế xã hội hậu Covid-19. Một mặt, với kinh nghiệm thiết lập chính sách đa diện và toàn diện, khung chính sách CĐ.KTS nói riêng và chính sách chuyển đổi số nói chung của EU có giá trị tham khảo rất lớn cho các quốc gia đang bước vào giai đoạn đầu của chuyển đổi số, trong đó có VN. Mặt khác, tham khảo khung chính sách chuyển đổi số của EU đồng thời cũng góp phần cải thiện khuôn khổ chính sách và khuôn khổ pháp lý của VN về chuyển đổi số, CĐ.KTS, thúc đẩy

sự phát triển thương mại điện tử giữa VN và EU●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brennen, S. & Kreiss, D. (2014). Digitalization and digitization. *Culture Digitally*, pp. 8.
- Cummins, K. L. (2011). *Policy Practice for Social Workers: New Strategies for a New Era*. Pearson.
- European Parliament (2021). Digital transformation: importance, benefits and EU policy. <https://www.europarl.europa.eu/news/en/headlines/society/20210414STO02010/digital-transformation-importance-benefits-and-eu-policy#:~:text=Digital%20transformation%20is%20the%20integration,...>
- European Union (2020). 2030 Digital Compass: the European way for the Digital Decade. https://ec.europa.eu/info/sites/default/files/communication-digital-compass-2030_en.pdf
- European Union (2020). Shaping Europe's Digital Future. https://ec.europa.eu/info/sites/default/files/communication-shaping-europes-digital-future-feb2020_en_4.pdf
- Johnson, J. (2022). Internet penetration rate worldwide April 2022, by region. <https://www.statista.com/statistics/269329/penetration-rate-of-the-internet-by-region/>
- Lê Duy Bình & Trần Thị Phương (2020). Kinh tế số và chuyển đổi số tại VN, Tài liệu chuẩn bị cho Chuỗi Hội nghị bàn tròn về EVFTA, EVIPA và Hồi phục kinh tế sau COVID 19 tại VN. <https://www.economica.vn/Content/files/PUBL%20%26%20REP/EVFTA%20and%20Digital%20Economy%20in%20Vietnam%20VIE.pdf>
- Paquette, L. (2002). *Analyzing National and International Policy*. Rowman Littlefield.
- Vial, G. (2019). Understanding digital transformation: A review and a research agenda. *The Journal of Strategic Information Systems*, pp. 28.